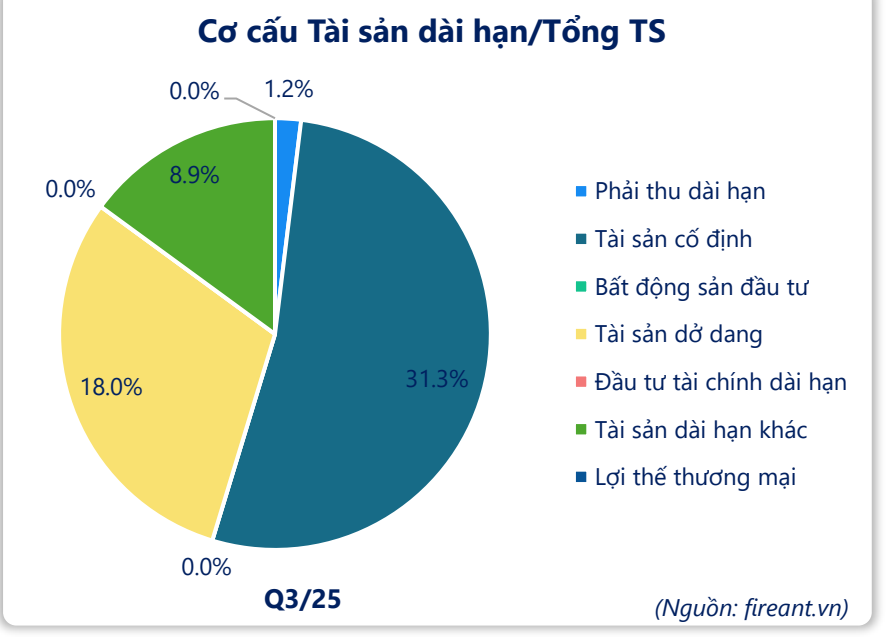
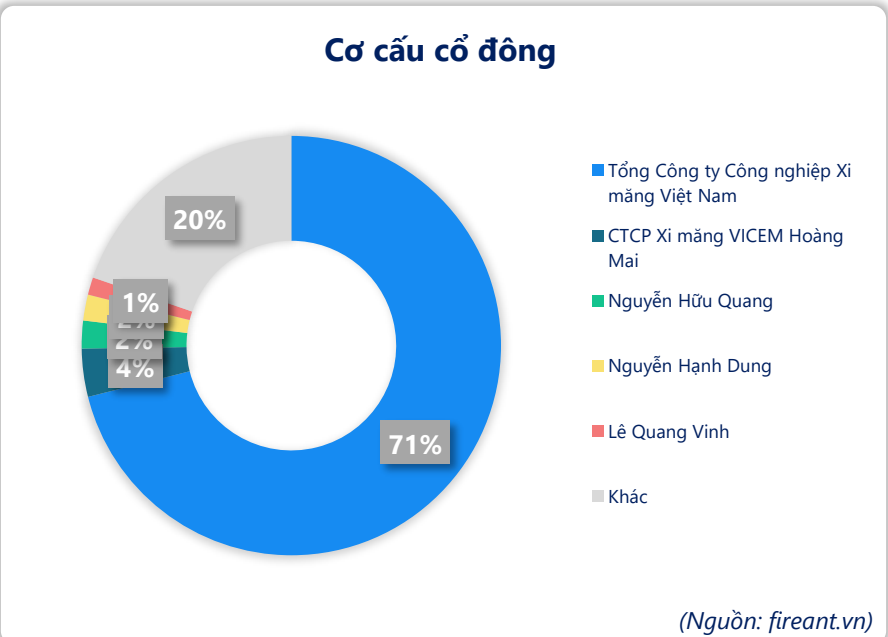
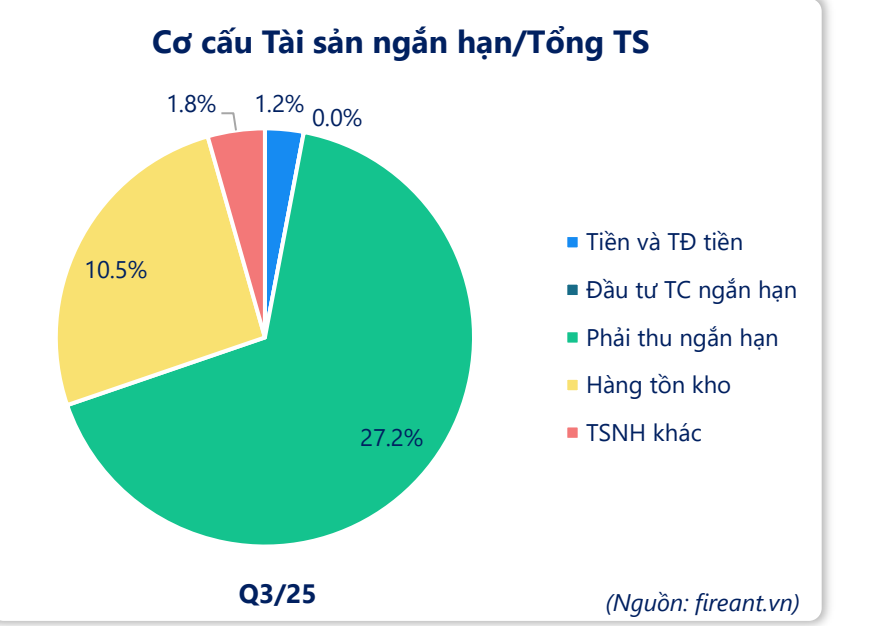
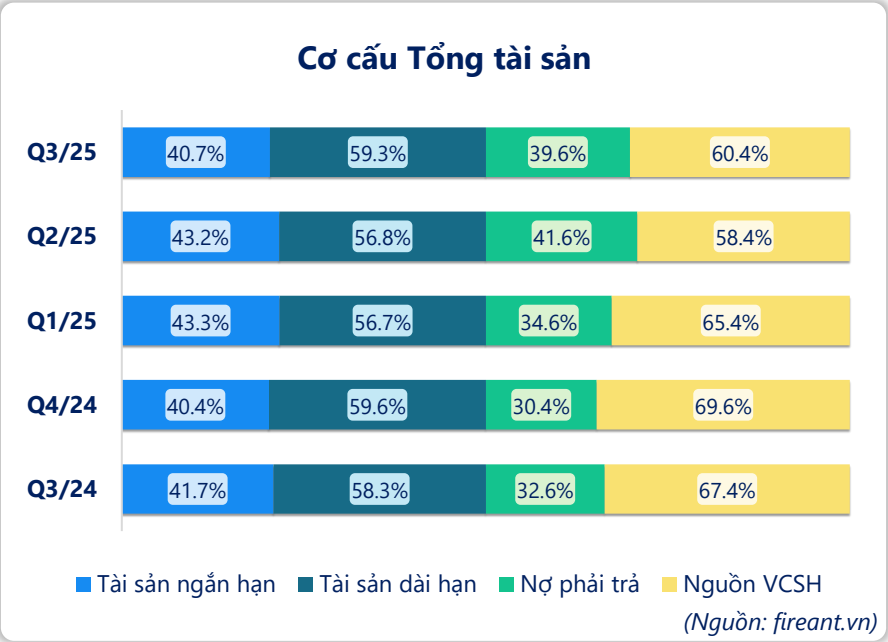
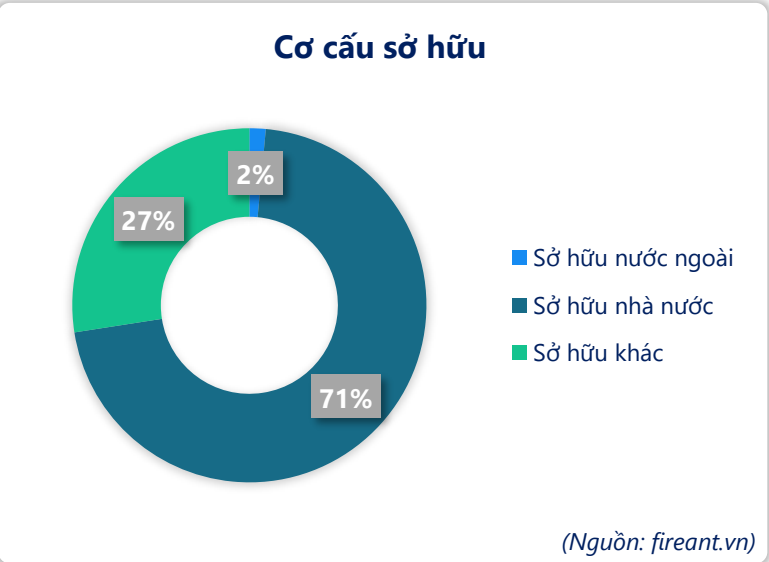
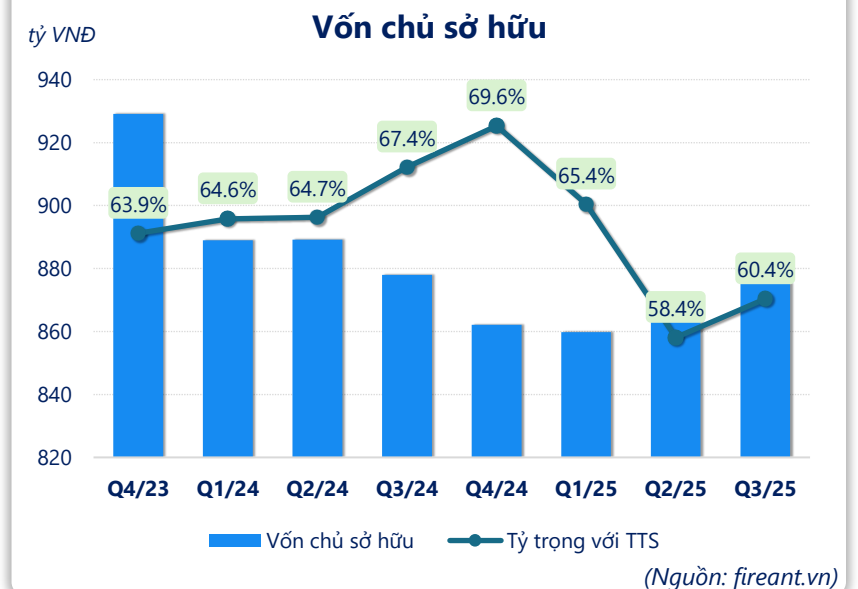
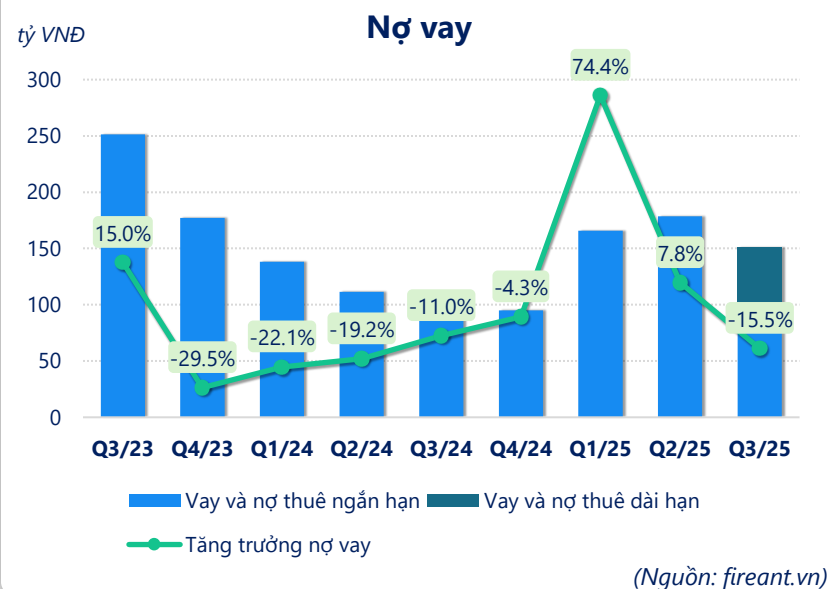
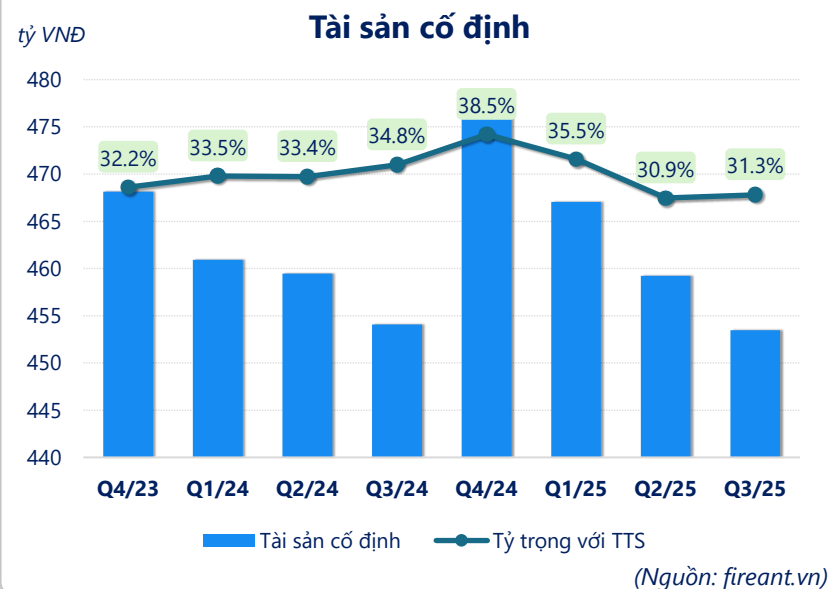
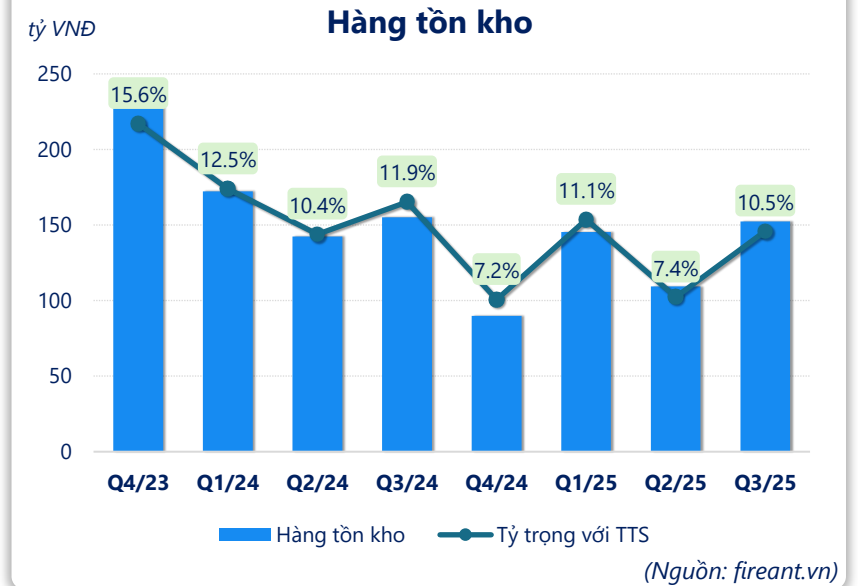
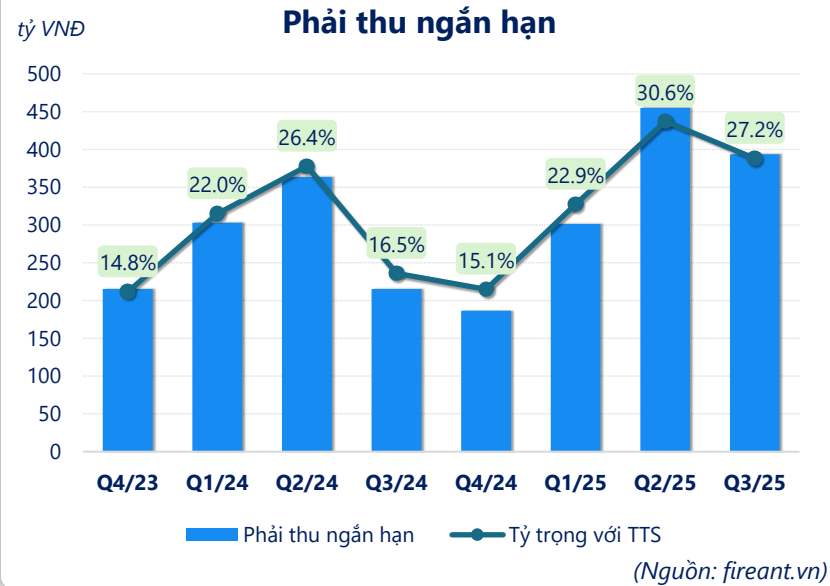
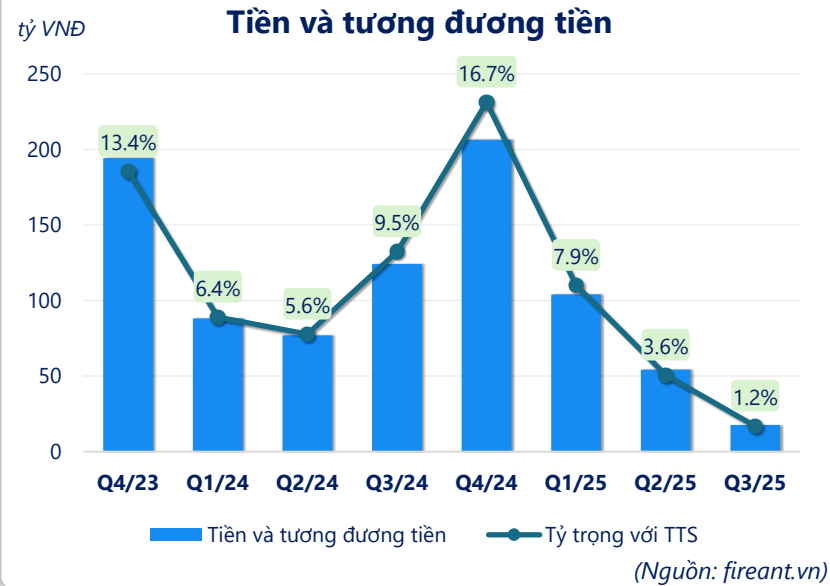
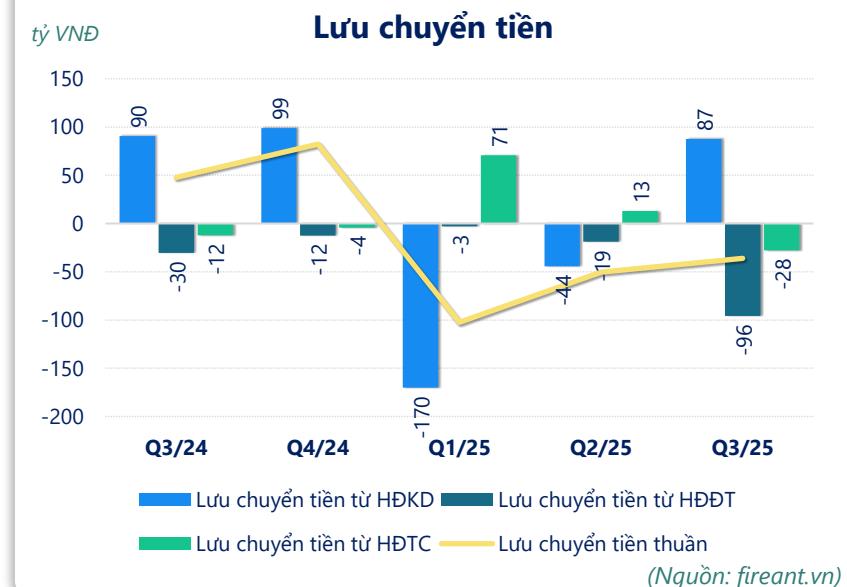
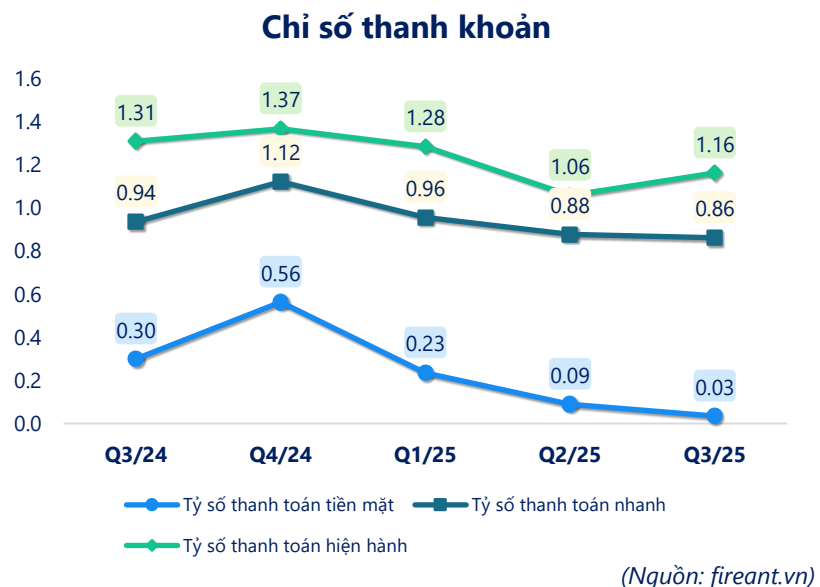
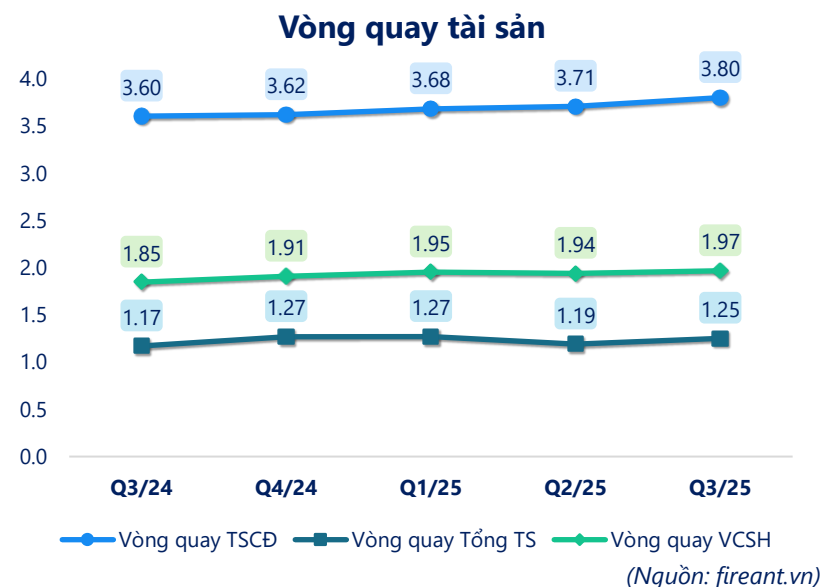
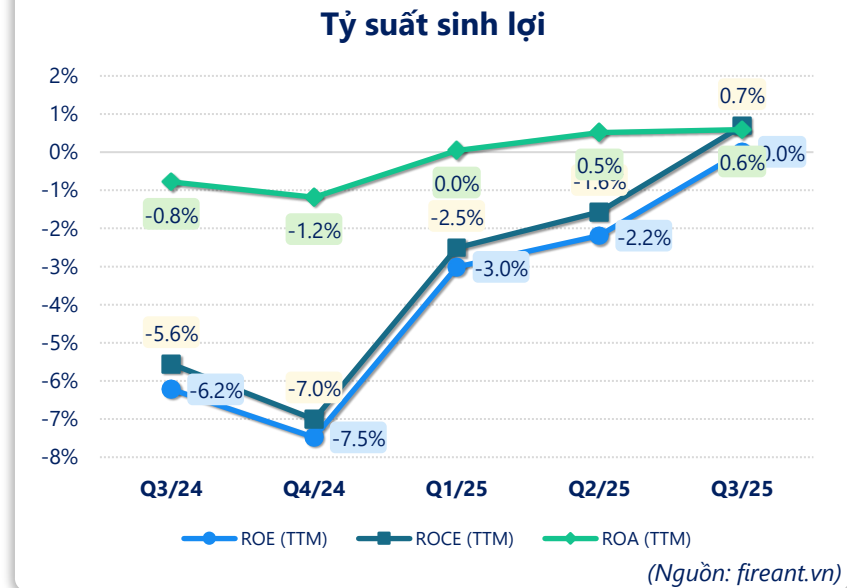
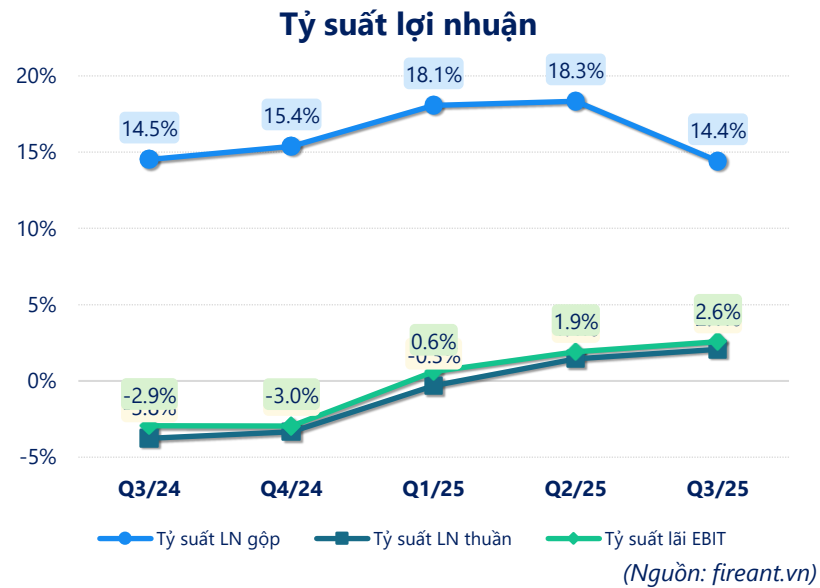
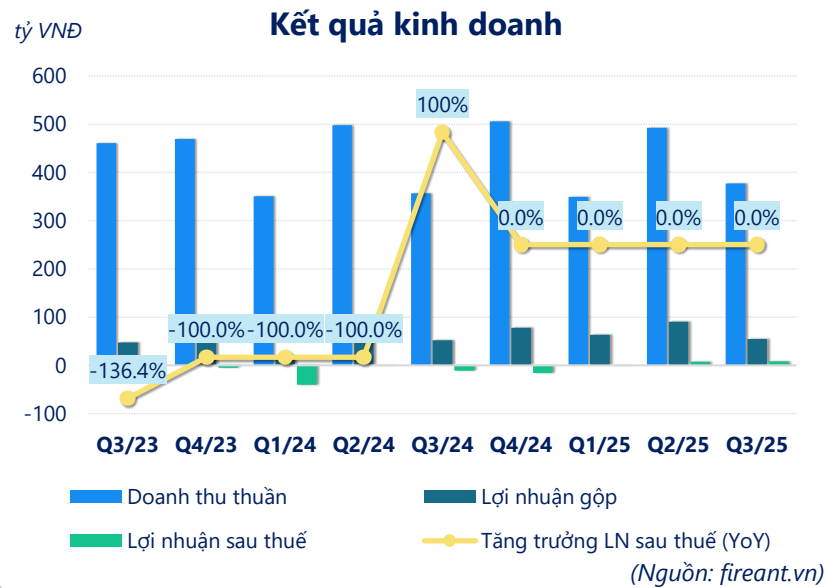


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		5,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,600
SL cổ phiếu LH		71,997,731
KLGD BQ 20 phiên (CP)		23,568
% sở hữu nước ngoài		1.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		338
P/E		4106.1
EPS		1

	YTD	1T	3T	6T
HOM	27.0%	2.2%	14.6%	17.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,449	1,240	16.9%
Tài sản ngắn hạn	590	501	17.7%
Tiền và tương đương tiền	17.6	206	-91.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	394	187	111%
Hàng tồn kho	152	89.8	69.6%
Tài sản ngắn hạn khác	26.0	18.2	43.2%
Tài sản dài hạn	860	738	16.4%
Phải thu dài hạn	16.7	15.5	7.3%
Tài sản cố định	453	477	-4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	261	120	117%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	128	126	2.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	574	380	50.9%
Nợ ngắn hạn	507	369	37.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	96.5	95.0	1.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	276	162	70.7%
Nợ dài hạn	66.8	11.0	504%
Vay và nợ thuê dài hạn	54.4	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	875	859	1.9%
Vốn chủ sở hữu	875	859	1.9%
Vốn điều lệ	748	748	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	356	506	349	493	377
Giá vốn hàng bán	304	428	286	402	323
Lợi nhuận gộp	51.7	77.8	63.1	90.3	54.3
Doanh thu HĐTC	0.29	1.57	1.85	0.78	0.64
Chi phí TC	1.32	0.50	1.59	2.14	2.20
Chi phí lãi vay	0.69	1.00	1.59	2.03	1.57
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	44.5	65.6	42.7	57.0	20.3
Chi phí QLDN	19.6	30.2	21.7	24.9	24.7
LN thuần từ HĐKD	-13.4	-16.9	-1.06	7.13	7.82
Lợi nhuận khác	2.21	0.95	1.59	0.21	0.31
LN trước thuế	-11.2	-15.9	0.53	7.35	8.14
Lợi nhuận sau thuế	-11.2	-15.9	0.53	7.35	8.14
LNST của CĐ cty mẹ	-11.2	-15.9	0.53	7.35	8.14

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	90.5	99.0	-170	-44.4	87.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.3	-12.5	-2.88	-18.8	-95.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-12.3	-4.28	70.7	13.0	-27.7
Tiền đầu kỳ	76.9	124	206	104	54.2
Lưu chuyển tiền thuần	47.9	82.2	-102	-50.3	-36.2
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.63	0.00	0.04	0.41	-0.43
Tiền cuối kỳ	124	206	104	54.2	17.6

(Nguồn: fireant.vn)